

●139. ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN

A – MỤC TIÊU

Giúp HS củng cố về đọc, viết, so sánh các số tự nhiên và về dấu hiệu chia hết cho : 2, 3, 5, 9.

B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

GV tổ chức, hướng dẫn cho HS tự làm bài rồi chữa các bài tập.

Bài 1 : Cho HS đọc mỗi số rồi nêu giá trị của chữ số 5 trong mỗi số đó. Chẳng hạn, số 472 036 953 đọc là : "Bốn trăm bảy mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi ba", chữ số 5 trong số này chỉ 5 chục.

Bài 2 : GV cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

Khi chữa bài nên lưu ý HS tự nêu đặc điểm của các số tự nhiên, các số lẻ, các số chẵn liên tiếp. Chẳng hạn : Hai số lẻ liên tiếp nhau hơn (hoặc kém) nhau 2 đơn vị.

Bài 3 : Khi chữa bài nên hỏi HS cách so sánh các số tự nhiên trong trường hợp chúng có cùng số chữ số hoặc không cùng số chữ số.

Bài 4 : Cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

Kết quả là :

a) 3999 ; 4856 ; 5468 ; 5486. b) 3762 ; 3726 ; 2763 ; 2736.

Bài 5 : Khi chữa bài nên yêu cầu HS nêu dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9 ; nêu đặc điểm của số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 ;...

234

Chẳng hạn : c) 810 chia hết cho cả 2 và 5. Để tìm ra chữ số cần điền vào ô trống của 81 là chữ số nào, phải lấy phân chung giữa hai dấu hiệu chia hết cho 2 và 5 :

Các số chia hết cho 2 có chữ số tận cùng bên phải là : 0, 2, 4, 6, 8.

Các số chia hết cho 5 có chữ số tận cùng bên phải là : 0, 5.

Chữ số 0 có trong cả hai dấu hiệu chia hết cho 2 và chia hết cho 5, 0 là phân chung của hai dấu hiệu này. Vậy số chia hết cho cả 2 và 5 là số có chữ số tận cùng bên phải là 0.

d) Tương tự như phân c), số 46 phải có chữ số ở tận cùng bên phải là 0 hoặc 5 và $4 + 6 + \square$ phải chia hết cho 3. Thử điền vào chữ số 0 rồi chữ số 5 ta thấy 5 là chữ số thích hợp để viết vào để có 465 chia hết cho cả 3 và 5.